



Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45../2025/TT-NHNN ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tên Đơn vị báo cáo

**DANH SÁCH THẺ, CHỦ THẺ
NGHI NGỜ LIÊN QUAN GIAN LẬN, LỪA ĐẢO, VI PHẠM PHÁP LUẬT**
(Tháng Năm.....)

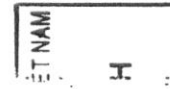
STT	Mã khách hàng (CIF)	Giấy tờ tùy thân (GTTT)		Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số thẻ	Loại thẻ		Ngày phát hành thẻ	Thời hạn hiệu lực thẻ	Số điện thoại	Lý do nghi ngờ	Trạng thái thẻ
		Số GTTT	Loại GTTT						Nội địa	Quốc tế					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1															
2															
....															

Ghi chú:

- Thời gian cung cấp thông tin: Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng và khi có phát sinh thay đổi thông tin.
- Hình thức cung cấp thông tin: Cung cấp thông qua Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước (SIMO).

Hướng dẫn lập bảng:

- Tại Cột (3): Ghi rõ Loại giấy tờ tùy thân bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) tương ứng như sau: 1.Thẻ căn cước công dân; 2.Thẻ căn cước; 3.Chứng minh nhân dân; 4.Hộ chiếu; 5.Giấy chứng nhận căn cước; 6.Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7.Giấy tờ khác.
- Tại Cột (6): Ghi rõ "M" đối với giới tính Nam, "F" đối với giới tính Nữ.
- Tại Cột (9),(10): Ghi rõ "GN" đối với thẻ ghi nợ, "TD" đối với thẻ tín dụng, "TT" đối với thẻ trả trước định danh tương ứng tại cột 9 và 10.
- Tại Cột (14): Ghi rõ một hoặc nhiều lý do bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11) tương ứng như sau:
 - 1. Thẻ ghi nợ gắn với tài khoản thanh toán, ví điện tử nằm trong danh sách tài khoản thanh toán, ví điện tử nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;



2. Thông tin, tài liệu, dữ liệu do chủ thẻ cung cấp khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;
 3. Thẻ nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng;
 4. Thẻ phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường;
 5. Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ thẻ;
 6. Giao dịch sai PIN, OTP, thông tin thẻ nhiều lần;
 7. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;
 8. Giao dịch thanh toán không tại đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch thẻ tại đơn vị chấp nhận thẻ ở nước ngoài kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc tại đơn vị chấp nhận thẻ nằm trong danh sách đơn vị chấp nhận thanh toán nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;
 9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này;
 10. Thẻ có phát sinh giao dịch nhưng không thể liên hệ được với khách hàng;
 11. Thẻ có dấu hiệu bị lợi dụng, đánh cắp thông tin.
- Tại Cột (15): Ghi rõ trạng thái thẻ bằng số (1, 2, 3, 4, 5) tương ứng theo nội dung dưới đây: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm dừng giao dịch, 3. Tạm khóa; 4. Thu hồi; 5. Hết hiệu lực.

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký ghi rõ Họ và tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH THẺ**
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số điện thoại liên hệ:
Bộ phận: